

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2019

V/v ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thơm.

2. Ông Lưu Xuân Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Là, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thu H**, sinh năm 1997; Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi ở: Đội 14, thôn Q, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Tạ Văn T**, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định vào tháng 4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và

anh T bất đồng quan điểm, chung sống không hòa hợp, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 1/2017 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị xin được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Tạ Nhật A, sinh ngày 09/5/2014. Hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng, sau ly hôn chị nhất trí để cho anh T trực tiếp nuôi con chung, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.500.000đ

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Đề nghị xử lý hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Tạ Văn T.

+ Về nuôi con chưa thành niên: Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, giao cháu Tạ Nhật A, sinh ngày 09/5/2014 cho anh Tạ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.500.000đ, kể từ tháng 9/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về án phí: Lê Thị Thu H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Tạ Văn T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Tạ Văn T.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Thu H và anh Tạ Văn T kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến 3/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H và anh T bất đồng quan điểm, chung sống không hòa hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ 1/2017 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về việc nuôi con chung chưa thành niên:* Chị H và anh T có 01 con chung là Tạ Nhật A, sinh ngày 09/5/2014, hiện nay đang do anh T nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo quyền lợi của con chung. Chị H nhất trí để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con

chung và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, mỗi tháng 1.500.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị H và anh T không có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị H phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị Thu H và anh Tạ Văn T.

2. Về con chung chưa thành niên: Anh Tạ Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tạ Nhật A, sinh ngày 09/5/2014. Chị Lê Thị Thu H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 9/2019 cho đến khi cháu Tạ Nhật A đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Thu H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H nộp theo Biên lai số 0000973 ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định được khấu trừ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tạ Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã T;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

